

+ Tháp lọc bụi: D=600 mm x H=3.000 mm. Tấm lọc D=600 mm. Phễu chứa bụi: D=800 x H=600 mm.

+ Ống thải: Inox 304 D=200-300mm.

- Công suất thiết kế: 9.000 m³/giờ,

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải cho Dòng khí thải số 05;10;11;12 (Máy sấy tầng sôi)

- Số lượng hệ thống: 04.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Gió tươi → Lọc G4, F8 → Điện trở nhiệt → lọc H13 → Máy sấy tầng sôi → Máy giữ bụi (Hệ thống giữ bụi của Dòng khí thải số 5 nằm trong lồng máy) → Lọc G4, F8 → Lọc BIBO H13 (đối với máy tầng sôi thuộc khu vực HP) → Khí sạch thoát ra ngoài qua ống thải → Môi trường tiếp nhận.

- Thông số kỹ thuật:

+ Bồn đựng màng lọc cho hệ thống xử lý khí thải cho Dòng khí thải số 10, 11: 1.700 x 1.200 x 1.320mm, Lõi lọc: D=380mm, H=1.050mm, Phễu chứa bụi: D=300mm x H=900mm.

+ Bồn đựng màng lọc cho hệ thống xử lý khí thải cho Dòng khí thải số 12: 1.500 x 1.300 x 1.450mm, Lõi lọc: D=330mm, H=670mm, Phễu chứa bụi: D=200mm x H=600mm.

- Công suất thiết kế: lần lượt là 1.000 m³/giờ; 8.000 m³/giờ; 8.000 m³/giờ, 5.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.2.4. Hệ thống xử lý bụi cho Dòng khí thải 06;07;08;09 (Hệ thống HVAC-Khu vực HP)

- Số lượng hệ thống: 04.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Gió cấp từ AHU → Hệ thống lọc G4, F8 → Làm lạnh → Lọc H13 → Phòng chức năng (Phòng sạch) → Lọc G4, F8 → Lọc BIBO → Thoát ra ngoài qua ống thải → Môi trường tiếp nhận.

- Thông số kỹ thuật: Modun BPT: SS304 730 x 950 x 800mm, Màng lọc Hepa H13 610 x 610 x 292 mm hoặc 720 x 610 x 292 mm.

- Công suất thiết kế: 7.826 m³/giờ – 15.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.2.5. Hệ thống xử lý hơi hóa chất hữu cơ (Hoạt động kiểm nghiệm) (tương ứng dòng khí thải số 13)

- Số lượng hệ thống: 01